TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/KDTM-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v: "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa là bê tông thương phẩm"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Đặng Đức Huấn;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Dựng
2. Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số 05/2022/TLST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa là bê tông thương phẩm"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-KDTM ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty P; địa chỉ: Tổ 5, Khu 7, phường Q, quận H, Tp. P. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Văn P1-Chủ tịch Hội đồng thành viên và ông Hà Văn M1-Chức vụ: Giám đốc. Ông M1 có mặt, ông P1 vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1-Luật sư của Công ty luật TNHH MTV BĐ, thuộc Đoàn luật sư thành phố P. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Công ty TH; địa chỉ: Thôn P, xã T3, huyện B1, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H1-Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty P và Công ty THký kết Hợp đồng kinh tế số 04.10/2016-HĐKT về việc mua bán bê tông thương phẩm. Theo đó, Công ty P là đơn vị cung cấp

bê tông thương phẩm và bơm bê tông phục vụ thi công công trình *"Nhà xưởng Công ty TT - Kinh Môn, Hải Dương"* theo đơn đặt hàng của Công ty TH.

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/10/2016 đến 24/7/2017, Công ty P đã giao đủ số lượng hàng hóa theo yêu cầu. Việc giao nhận bê tông hai bên đã cử người đại diện cùng nhau xác nhận nợ và ký vào phiếu xuất bê tông. Theo Bảng Chi tiết công nợ ngày 30/7/2017 thì tính từ ngày 06/10/2016 đến ngày 24/7/2017, Công ty P đã cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông cho Công ty THvới tổng số tiền là 1.200.625.000đ và đã tiến hành xuất 10 hóa đơn giá trị gia tăng (Công ty P đã cung cấp cho Tòa án). Tuy nhiên, Công ty TH mới chỉ thanh toán tổng số tiền 510.000.000đ (bằng hình thức chuyển khoản) cho Công ty P. Thời điểm Công ty TH vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng là ngày 29/7/2017. Công ty P đã nhiều lần đôn đốc nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty TH không chịu thanh toán nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Số tiền Công ty TH còn nợ là 690.625.000đ nên Công ty TH phải có nghĩa vụ trả cho Công ty P số tiền nợ gốc là và lãi suất do chậm thanh toán từ ngày 29/7/2017 tạm tính đến ngày 29/03/2022 là 436.544.062đ. Tổng cộng 1.127.169.062đ. Do đó, Công ty P yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV Tú Hòa phải có nghĩa vụ thanh toán trả số nợ nêu trên.

- Bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Tại Công văn số 71 ngày 25/7/2022, Phòng đăng ký kinh doanh-Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cung cấp: Công ty TH mã số doanh nghiệp 0801145159 đăng ký lần đầu ngày 14/9/2015 do bà Nguyễn Thị Hậu làm chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của công ty, đăng ký trụ sở chính tại Thôn P, xã T3, huyện B1, tỉnh Hải Dương. Sau khi thành lập đăng ký doanh nghiệp, công ty chưa có thay đổi đăng ký về trụ sở khác.

- Biên bản xác minh ngày 15/8/2022 tại UBND phường T5 xác định: Công ty TNHH một thành viên TT hiện đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu dân cư H2, phường T5, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương từ khoảng năm 2011 đến nay. Về hồ sơ liên quan đến thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với Công ty TT, UBND phường T5 đề nghị Toà án liên hệ với Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương để xác minh thu thập chứng cứ. Hiện tại Công ty TNHH một thành viên TT vẫn đang hoạt động tại địa phương.

- Toà án tiến hành xác minh về lãi suất quá hạn tại thời điểm tháng 9/2022 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt và Ngân hàng cổ phần Công thương Việt Nam đều áp dụng mức lãi suất trong hạn là 09%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất chậm trả, theo đó yêu cầu Tòa án buộc Công ty THphải có nghĩa vụ

thanh toán số tiền: Nợ gốc: 690.625.000đ và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 29/7/2017 đến ngày 29/9/2022 theo mức lãi suất quá hạn của lãi suất trung bình trên thị trường tại thời điểm hiện nay. Tiếp tục tính lãi chậm thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất như hợp đồng đã ký.

- Bị đơn đã vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn bị đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P. Buộc Công ty THphải có nghĩa vụ thanh toán trả Công ty P số tiền, tính đến hết ngày 29/9/2022 là: 690.625.000đ nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán là 481.710.937đ. Kể từ ngày 30/9/2022, Công ty THphải chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn cho đến khi thanh toán hết nợ; *Về án phí*: Công ty THphải chịu án phí sơ thẩm Kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Công ty P và Công ty THđều có đăng ký kinh doanh, tham gia giao dịch đều có mục đích lợi nhuận đây là tranh chấp về Kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn-Công ty P lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng (tại phường T5, thị xã Kinh Môn) giải quyết vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Kinh Môn theo điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện*: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba ngân hàng tại thời điểm khởi kiện là 13,545%/tháng. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử (Tòa án đã thu thập) là 13,5%/tháng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên tòa, phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét Hợp hợp đồng số 04.10/2016-HĐKT ngày 04/10/2016 giữa Công ty P và Công ty THvề việc mua bán bê tông thương phẩm, các bên tham

gia hợp đồng có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. *Về yêu cầu đòi bị đơn thanh toán tiền nợ gốc 690.625.000đ*: Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 04.10/2016-HĐKT ngày 04/10/2016 hai bên ký kết, các phiếu xuất bê tông các bên đã ký nhận, các giấy nhận nợ và các hoá đơn thuế giá trị gia tăng số 0002895 ngày 28/11/2016, số 0002981 ngày 23/01/2017, số 003025 ngày 28/02/2017, số 0003058 ngày 29/3/2017, số 0003069 ngày 13/4/2017, số 003077 ngày 29/4/2017, số 0003086 ngày 15/5/2017, số 0003096 ngày 28/5/2017, số 0003097 ngày 28/5/2017 và số 0003144 ngày 24/7/2017, tờ khai thu thuế điện tử do Công ty P cung cấp thì sau khi ký kết hợp đồng, Công ty P đã thực hiện đúng theo nội dung thoả thuận. Trong thời gian từ ngày 06/10/2016 đến ngày 24/7/2017 Công ty P đã cung cấp cho Công ty TH: 344m^3 bê tông mác 300 đá 1*2, 1.083m^3 bê tông mác 250 đá 1*2, 06 ca bơm bê tông, với tổng số tiền (gồm 10% thuế GTGT) là 1.200.625.000đ. Công ty TH đã thanh toán tổng số tiền 510.000.000đ cho Công ty P (*bằng hình thức chuyển khoản*) vào các ngày: 09/12/2016 số tiền 160.000.000đ; 20/01/2017 số tiền 100.000.000đ; 23/01/2017 số tiền 50.000.000đ; 11/5/2017 số tiền 200.000.000đ. Đến nay Công ty TH chưa thanh toán số tiền gốc còn lại cho Công ty P là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 5 Hợp đồng kinh tế số 04.10/2016-HĐKT và Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ 690.625.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[3.1]. Về yêu cầu đòi bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả:

Ngày 24/7/2017, sau khi Công ty P cấp bê tông đổ xong nền nhà xưởng đã xuất hóa đơn GTGT số 0003144 cho Công ty TH. Theo khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng kinh tế số 04.10/2016-HĐKT hai bên xác lập thì trong trường hợp Công ty TH không thanh toán 100% giá trị tiền bê tông trong thời hạn tối đa 05 ngày sau khi đổ xong nền nhà xưởng thì phải chịu lãi suất quá hạn của ngân hàng. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 29/7/2017, tức sau 05 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn GTGT đến ngày 29/9/2022 (62 tháng) theo mức lãi quá hạn trung bình trên thị trường quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Tham khảo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng (Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt) tại các Chi nhánh, Phòng giao dịch thị xã Kinh Môn thời điểm hiện nay đang áp dụng mức lãi suất nợ qua hạn bằng là 9%/nămx150% là 13,5%/năm, tương đương 1,125%/tháng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi là: 690.625.000đ x 1,125%/tháng x 62 tháng = 481.710.937đ

là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều 30, 35, 40, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 24, 50, 55 và 306 Luật Thương mại năm 2005; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán thông qua ngày 07/10/2016; Điều 11, Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/HD-TP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

Buộc Công ty TH phải có nghĩa vụ thanh toán trả Công ty P số tiền: 1.172.335.937đ (*Một tỉ, một trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng*). Trong đó: Nợ gốc 690.625.000đ (*Sáu trăm chín mươi triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); nợ lãi 481.710.937đ (*Bốn trăm tám mươi mốt triệu, bảy trăm mười nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày 30/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TH phải chịu khoản tiền lãi đối với nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết.

2. Về án phí: Buộc Công ty TH phải chịu 47.170.000đ (*Bốn mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm (*đã làm tròn số*).

Trả lại Công ty P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*) theo Biên lai thu số AA/2020/0001314 ngày 12/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương phát hành.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Hồ sơ vụ án.

Đặng Đức Huấn